Chi tiết mã HS 8447.20.10

Mã HS	8447.20.10
Mô tả hàng hóa	Máy dệt kim, máy khâu đính và máy tạo sợi quấn, sản xuất vải tuyn, ren, thêu, trang trí, dây tết hoặc lưới và máy tạo búi / - Máy dệt kim phẳng; máy khâu đính: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 13:14:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84472010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13968
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13968
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13968
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13287
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13228
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13228
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13228
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13228
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13228
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13228
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13282
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13282
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13282

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13282
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13282
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13282
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13283
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13283
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13283
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13283
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13283
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13283
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13286
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13234
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13242
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13242
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13242
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13242
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13242
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13242
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13273
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13273
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13273
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13273
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13273
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13273
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13322
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13322
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13322

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13322
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13322
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13322
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13305
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13305
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13305
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13305
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13305
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13305
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13305
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13305
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13305
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13305
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13305
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13305
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13320
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13320
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13320
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13320
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13320
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13320
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13319
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13319
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13319
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13319
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13319

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13319
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13299
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13299
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13299
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13299
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13299
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13299
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13299
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13307
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13307
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13307
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13307
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13307
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13307
RCEP B	2022	2022	0	B!D13307
RCEP B	2023	2023	0	B!E13307
RCEP B	2024	2024	0	B!F13307
RCEP B	2025	2025	0	B!G13307
RCEP B	2026	2026	0	B!H13307
RCEP B	2027	2027	0	B!I13307
RCEP C	2022	2022	0	C!D13307
RCEP C	2023	2023	0	C!E13307
RCEP C	2024	2024	0	C!F13307
RCEP C	2025	2025	0	C!G13307
RCEP C	2026	2026	0	C!H13307
RCEP C	2027	2027	0	C!I13307

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13306
RCEP D	2023	2023	0	D!E13306
RCEP D	2024	2024	0	D!F13306
RCEP D	2025	2025	0	D!G13306
RCEP D	2026	2026	0	D!H13306
RCEP D	2027	2027	0	D!I13306
RCEP E	2022	2022	0	E!D13310
RCEP E	2023	2023	0	E!E13310
RCEP E	2024	2024	0	E!F13310
RCEP E	2025	2025	0	E!G13310
RCEP E	2026	2026	0	E!H13310
RCEP E	2027	2027	0	E!I13310
RCEP F	2022	2022	0	F!D13307
RCEP F	2023	2023	0	F!E13307
RCEP F	2024	2024	0	F!F13307
RCEP F	2025	2025	0	F!G13307
RCEP F	2026	2026	0	F!H13307
RCEP F	2027	2027	0	F!I13307
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12346
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12346
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12346
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12346

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8447.20 có 2 dòng thuế; dòng 8447.20.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8447.20.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8447.20.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8447.20.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13968), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.